

QUY ĐỊNH

Về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư
trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31. /2017/NQ-HĐND
ngày 19/11/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước, quy định địa bàn ưu đãi đầu tư, ngành nghề ưu đãi đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư) liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Những cam kết của tỉnh Bình Phước

1. Tỉnh Bình Phước cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh với mức ưu đãi nhất theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài những quy định chính sách ưu đãi đầu tư chung của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh Bình Phước quy định các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo các điều, khoản được nêu trong Quy định này.

3. Thủ tục hành chính về đầu tư được áp dụng và thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Bộ thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công và được đăng trên cổng thông tin dịch vụ công và cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Ngoài những thủ tục, hồ sơ, giấy tờ được quy định tại bộ thủ tục đã được công khai áp dụng, bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu, đòi hỏi bổ sung thêm các thủ tục, giấy tờ khác.

4. Khi thực hiện thủ tục đầu tư, trường hợp khu đất thực hiện dự án không nằm trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt thì thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi

1. Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các quyền lợi và ưu đãi cao hơn với quyền lợi và ưu đãi mà nhà đầu tư đã được hưởng trước đó thì

nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi, ưu đãi mới trong thời gian còn lại (nếu có) kể từ ngày pháp luật, chính sách mới có hiệu lực.

2. Trường hợp văn bản pháp luật mới ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án.

3. Trường hợp nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau sẽ được áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư được quyền lựa chọn ngành nghề, hình thức, quy mô, địa bàn đầu tư phù hợp theo quy hoạch, trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm và các quyền khác theo quy định của pháp luật; được thực hiện đầu tư, kinh doanh các ngành nghề mà Luật Đầu tư không cấm, thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa bàn, danh mục dự án đầu tư và các thông tin, số liệu cần thiết khác theo yêu cầu của nhà đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng dự án. Điều kiện và thủ tục chuyển nhượng dự án theo quy định tại Điều 45 của Luật Đầu tư.

3. Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; triển khai dự án đầu tư đúng quy hoạch, tiến độ, thời gian theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư

1. Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư: Theo phụ lục I, II đính kèm;

2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư: Theo phụ lục III đính kèm.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, ƯU ĐÃI CHUNG

Điều 6. Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào tiền thuê đất

1. Trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Trường hợp tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp của tổ chức, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất mà phải chuyển mục đích sử dụng đất sau khi nhận chuyển nhượng và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền thuê đất theo quy định tại Điều 57, 73 của Luật Đất đai thì xử lý như sau:

a) Trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp hợp pháp của hộ gia đình, cá nhân; đất phi nông nghiệp không phải là đất ở có nguồn gốc được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và tiền sử dụng đất đã nộp không có